

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/DS-ST
Ngày: 03-5-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lâm

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký Tòa án.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 409/2023/TLST-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm 1989

Nơi cư trú: số nhà B ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Số nhà B ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

*** Bị đơn:**

1. Ông Lưu Văn C, sinh năm 1979 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Số nhà C ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Do vợ chồng ông Lưu Văn C và bà Nguyễn Thị H1 vay vốn có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Ngân hàng. Đến ngày đáo hạn trả tiền cho Ngân hàng do ông Lưu Văn C và bà Nguyễn Thị H1 không có tiền trả, nên vào ngày 18/5/2023 ông C, bà H1 có vay của bà Nguyễn Thị Quỳnh H số tiền là 380.000.000 đồng, thời gian vay hai bên thỏa thuận là 02 ngày. Khi giao tiền cho ông C, bà H1 hai bên có lập hợp đồng vay và ông C và bà H1 có ký tên, lần

tay vào hợp đồng này. Sau khi trả nợ xong cho Ngân hàng ông C, bà H1 đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp từ Ngân hàng nhưng không thực hiện việc trả nợ cho bà Quỳnh H.

Nay bà Nguyễn Thị Quỳnh H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 380.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 18/5/2023 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với lãi suất 3%/tháng, tạm tính đến ngày 10/7/2023 số tiền lãi là 14.560.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần khởi kiện về tiền lãi chậm trả 3%/tháng tạm tính đến ngày 10/7/2023 số tiền lãi là 14.560.000 đồng và thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng) và chịu lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày Tòa án thụ lý cho đến giải quyết xong vụ án.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Lưu Văn C trình bày:*

Vào ngày 18/5/2023 vợ chồng chúng tôi là Lưu Văn C và Nguyễn Thị H1 đáo nợ Ngân hàng Liên Việt huyện T nhưng không đủ tiền, người của Ngân hàng L giới thiệu cho chúng tôi biết bà Nguyễn Thị Quỳnh H, chúng tôi có hỏi vay bà H số tiền 363.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu đồng) vay trong thời gian 02 ngày để đáo nợ Ngân hàng, chúng tôi đã đóng lãi vay trong 02 ngày cho bà H với số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu, sáu trăm ngàn đồng) và đã trả vốn cho bà H được 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Như vậy, vợ chồng chúng tôi chỉ còn thiếu bà Nguyễn Thị Quỳnh H 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng) chứ không phải 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng) như khởi kiện của bà H, khi chúng tôi vay tiền của bà H, bà H đã giữ của chúng tôi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 thẻ căn cước của Nguyễn Thị H1.

Nay bà Nguyễn Thị Quỳnh H khởi kiện yêu cầu chúng tôi phải trả số tiền vay là 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng) và chịu lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày Tòa án thụ lý cho đến giải quyết xong vụ án thì chúng tôi không đồng ý. Vì khi chúng tôi ký vào hợp đồng vay tiền ngày 18/5/2023 thì bà H chưa ghi số tiền vào trong hợp đồng vay, nay bà H ghi số tiền vay là 380.000.000 đồng là không đúng, chúng tôi chỉ vay của bà H số tiền 360.000.000 đồng nên đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh H số tiền 360.000.000 đồng và đồng ý chịu lãi cho bà H bằng với mức lãi suất Ngân hàng L cho chúng tôi vay trước đây mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Vợ chồng chúng tôi đồng ý hàng tháng trả lãi cho bà H 3.000.000 đồng, khi nào chúng tôi vay được tiền sẽ trả hết nợ là 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Quỳnh H.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 quá trình tụng và tại phiên tòa thống nhất lời trình bày của ông Lưu Văn C.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quỳnh H vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn ông Lưu Văn C và bà Nguyễn Thị H1 có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án

là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, quá trình tố tụng Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi khởi kiện nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án bản chính hợp đồng vay tiền đề ngày 18/05/2023 nội dung thể hiện bên cho vay bà Nguyễn Thị Quỳnh H bên vay ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị H1 với số tiền vay 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng) thời hạn vay 02 ngày, lãi suất thỏa thuận theo quy định của pháp luật, phương thức thanh toán trả gốc và lãi khi đến hạn, hợp đồng vay tiền có chữ ký và dấu lấn tay của ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị H1. Xét việc thỏa thuận vay tiền giữa bà Nguyễn Thị Quỳnh H với ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị H1 được lập thành văn bản trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các nội dung và đúng các quy định của pháp luật nên hợp pháp.

[3] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Lưu Văn C và Nguyễn Thị H1 thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị Quỳnh H, thừa nhận có ký tên, lấn tay xác nhận nợ vay trong hợp đồng vay tiền ngày 18/05/2023 nên đây là vấn đề không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Lưu Văn C và Nguyễn Thị H1 cho rằng chỉ vay của bà H số tiền 363.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu đồng) vay trong thời gian 02 ngày để đáo nợ Ngân hàng và đã đóng lãi cho bà H số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu, sáu trăm ngàn đồng), đã trả vốn cho bà H được 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) hiện còn thiếu bà Nguyễn Thị Quỳnh H số tiền 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng) không phải là 380.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà H, quá trình tố tụng Tòa án có thông báo cho ông C, bà H1 có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh là có việc trả lãi 3.600.000 đồng, trả vốn 3.000.000 đồng, số tiền vay còn thiếu bà H là 360.000.000 đồng nhưng ông C, bà H1 không cung cấp được và lời trình bày này không được người đại diện của nguyên đơn thừa nhận, nên không có căn cứ xem xét. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quỳnh H là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ liên đới với ông Lưu Văn C trả nợ vay cho bà Nguyễn Thị Quỳnh H. Xét thấy, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H1 thừa nhận có cùng chồng là ông Lưu Văn C vay tiền của bà H để đáo nợ ngân hàng, hiện nay bà và ông C là vợ chồng. Xét việc vay tiền của ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị H1 làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, khi vay tiền vợ chồng tiến hành giao dịch nhằm phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần áp dụng khoản 2 Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông Lưu Văn C và bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay là 380.000.000 đồng và lãi suất chậm trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất chậm trả. Xét thấy, tại hợp đồng vay tiền ngày 18/05/2023 với số tiền vay 380.000.000 đồng các bên không có thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi chậm trả 3%/tháng tạm tính đến ngày 10/7/2023 số tiền lãi là 14.560.000 đồng, việc rút một phần

yêu cầu về tiền lãi suất chậm trả của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu lãi suất chậm trả của số tiền vay 380.000.000 đồng tính từ ngày Tòa án thụ lý 17/10/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án ngày 03/5/2024 tính tròn là 06 tháng 16 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng, số tiền lãi (380.000.000 đồng x 0,83% x 06 tháng, 16 ngày) tính tròn là 20.604.000 đồng (hai mươi triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Do ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên buộc ông C, bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh H tổng số tiền 400.604.000 đồng (bốn trăm triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn đồng) [trong đó 380.000.000 đồng tiền gốc và 20.604.000 đồng tiền lãi] là đúng quy định của pháp luật.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H được chấp nhận nên ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị H1 phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 91, 92 và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 357, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quỳnh H.

Buộc ông Lưu Văn C và bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh H số tiền 400.604.000 đồng (bốn trăm triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn đồng) [trong đó 380.000.000 đồng tiền gốc và 20.604.000 đồng tiền lãi]

2. Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất chậm trả 3%/tháng tạm tính đến ngày 10/7/2023 số tiền lãi là 14.560.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu Văn C và bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 20.024.000 đồng (hai mươi triệu, không trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 9.864.000 đồng (chín triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị Quỳnh H theo biên lai thu số 0000253 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương